

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 06/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1	Bùi Hà	Phương	TLA010880	3	35.75		35.75
2	Phạm Hằng	Nga	SPH012206	4	35.50		35.50
3	Hoàng Khánh	Linh	THP008243	4	34.75	0.5	35.42
4	Nguyễn Văn	Thanh	HVN009361	4	34.25	0.5	34.92
5	Lưu Thanh	Thủy	KHA009796	4	34.75		34.75
6	Hà Thanh	Huyền	YTB009911	4	34.00	0.5	34.67
7	Vương Nguyễn Hoàng	Yến	LNH011034	4	32.50	1.5	34.50
8	Trần Thùy	Linh	TND014820	4	32.00	1.5	34.00
9	Nguyễn Thu	Huyền	SPH007932	4	34.00		34.00
10	Phạm Thị Việt	Hà	YTB006150	4	33.00	0.5	33.67
11	Trần Khánh	Trinh	TDV033555	4	33.00	0.5	33.67
12	Nguyễn Thị	Hạnh	TLA004432	2	33.00	0.5	33.67
13	Nguyễn Thị Thúy	Vân	SPH019290	4	33.50		33.50
14	Nguyễn Thảo	Nguyên	HHA010294	4	32.75	0.5	33.42
15	Chu Thị Huyền	Bông	SPH002150	4	32.00	1.0	33.33
16	Lê Kiều	Minh	TLA009169	4	33.25		33.25
17	Lưu Thu	Trang	THV013776	3	31.25	1.5	33.25
18	Bùi Thị Vũ	Hoa	THV004696	3	31.25	1.5	33.25
19	Nguyễn Mỹ	Linh	TLA007965	1	33.25		33.25
20	Nguyễn Hoàng Nhật	Minh	SPH011408	1	33.25		33.25
21	Lê Thị Quỳnh	Hoa	HDT009228	4	32.50	0.5	33.17
22	Chu Thuỳ	Dương	TND004462	3	31.75	1.0	33.08
23	Lê Tú	Anh	BKA000358	2	33.00		33.00
24	Vũ Thu	Hiền	HHA004696	3	32.25	0.5	32.92
25	Nguyễn Thị	Huyền	HVN004671	4	31.50	1.0	32.83
26	Vũ Thùy	Dung	SPH003127	3	32.75		32.75
27	Vũ Thị Phương	Nhung	KQH010404	4	32.00	0.5	32.67
28	Nguyễn Hồng	Hạnh	HHA004201	1	32.00	0.5	32.67
29	Vũ Diệu	Linh	KHA005954	4	31.75	0.5	32.42

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 06/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
30	Nguyễn Thị	Thủy	THP014363	4	31.75	0.5	32.42
31	Nguyễn Thị Huệ	Chi	TDV002941	4	30.25	1.5	32.25
32	Nguyễn Ngọc	Linh	SPH009831	3	32.25		32.25
33	Nguyễn Hoàng Chi	Mai	TLA008915	3	32.25		32.25
34	Vũ Thanh	Huyền	TTB002867	2	30.25	1.5	32.25
35	Đỗ Thùy	Linh	TDV016293	4	31.50	0.5	32.17
36	Vũ Trường	Anh	TLA001373	4	31.50	0.5	32.17
37	Phạm Xuân	Trường	SPH018261	4	32.00		32.00
38	Nguyễn Thu	Trang	TLA014185	4	32.00		32.00
39	Bùi Thọ	Kiên	SPH008873	4	32.00		32.00
40	Vũ Phương	Hà	LNH002604	2	30.00	1.5	32.00
41	Lã Thị	Trang	TND026228	4	27.25	3.5	31.92
42	Tạ Thị Hồng	Hải	TND006773	4	31.25	0.5	31.92
43	Nguyễn Thị ái	Lành	TDV015722	3	31.25	0.5	31.92
44	Vũ Diệu	Linh	HDT014967	3	27.25	3.5	31.92
45	Lương Việt	Trình	YTB023328	4	30.50	1.0	31.83
46	Vũ Thị Kiều	Diễm	KHA001544	4	30.50	1.0	31.83
47	Nguyễn Thị Mai	Quỳnh	THP012340	3	30.50	1.0	31.83
48	Dương Thị	Thảo	TND022829	2	30.50	1.0	31.83
49	Nguyễn Thục	Anh	BKA000656	4	31.75		31.75
50	Phạm Quỳnh	Trang	THV013949	4	29.75	1.5	31.75
51	Trần Ngọc	Anh	SPH001508	3	31.75		31.75
52	Phùng Thị Quỳnh	Trang	SPH017766	4	31.00	0.5	31.67
53	Nguyễn Diệu	Hoa	THV004742	4	27.00	3.5	31.67
54	Sân Thành	Nam	THV009047	2	27.00	3.5	31.67
55	Trần Vũ Thanh	Tâm	YTB019066	3	30.25	1.0	31.58
56	Vũ Minh	Anh	TLA001342	4	31.50		31.50
57	Lê Thị Ngọc	Hồng	HDT010096	3	29.50	1.5	31.50
58	Nguyễn Ngọc	Phương	HHA011152	2	30.75	0.5	31.42

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 06/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
59	Nguyễn Thúy	Hạnh	SPH005408	4	31.25		31.25
60	Phi Quang	Khải	THV006494	3	29.25	1.5	31.25
61	Trần Khánh	Linh	SPH010153	2	31.25		31.25
62	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	YTB000867	4	29.75	1.0	31.08
63	Nông Đức	Minh	SPH011485	4	29.75	1.0	31.08
64	Phạm Thủy	Tiên	THV013353	4	29.00	1.5	31.00
65	Lê Thị	Thủy	TDV030364	4	29.00	1.5	31.00
66	Đào Thị Thu	Huyền	TDV013257	4	29.00	1.5	31.00
67	Doãn Ngọc	ánh	TTB000304	4	29.00	1.5	31.00
68	Đặng Việt	Hà	HHA003669	4	31.00		31.00
69	Trần Đức	Hiếu	YTB008052	4	30.25	0.5	30.92
70	Nguyễn Thị Khánh	Huyền	THP006590	4	29.50	1.0	30.83
71	Đỗ Thị Mỹ	Linh	THV007289	4	28.75	1.5	30.75
72	Nguyễn Thị Phương	Thảo	TTB005916	4	28.75	1.5	30.75
73	Lê Thị Bằng	Giang	TQU001305	4	28.75	1.5	30.75
74	Nguyễn Kiều	Trinh	TLA014415	3	30.75		30.75
75	Ngô Thu	Uyên	SPH019146	3	30.75		30.75
76	Lê Thùy	Dương	KHA002017	3	30.75		30.75
77	Hoàng Thảo	Linh	SPH009555	3	30.75		30.75
78	Tô Thị Xuân	Thanh	TLA012242	2	30.75		30.75
79	Nguyễn Thị Thu	Hiền	TND007953	4	30.00	0.5	30.67
80	Hà Thị Ngọc	Mai	THV008379	3	30.00	0.5	30.67
81	Nguyễn Thị Thùy	Trang	HVN011094	2	30.00	0.5	30.67
82	Đỗ Thị Quỳnh	Trang	DCN011643	1	30.00	0.5	30.67
83	Nguyễn Thảo	My	THV008838	4	28.50	1.5	30.50
84	Đỗ Thị Quỳnh	Anh	TTB000061	4	28.50	1.5	30.50
85	Nguyễn Kiều	Anh	SPH000799	4	30.50		30.50
86	Nguyễn Thuý	Linh	KHA005802	3	30.50		30.50
87	Lê Diệp	Anh	TLA000385	3	30.50		30.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 06/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
88	Trần Cao ánh	Dương	HHA002782	3	30.50		30.50
89	Trần Thị Như	Quyên	TTB005117	2	28.50	1.5	30.50
90	Nguyễn Nguyệt	ánh	SPH001794	2	30.50		30.50
91	Hoàng Ngọc	ánh	TND001290	4	25.75	3.5	30.42
92	Bùi Tú	Anh	DCN000078	4	29.75	0.5	30.42
93	Vũ Đức	Minh	HVN006893	3	29.75	0.5	30.42
94	Nguyễn Lê Diệu	Linh	DCN006370	2	29.75	0.5	30.42
95	Nguyễn Thị Mai	Hương	LNH004539	4	28.25	1.5	30.25
96	Phạm Thị Phương	Anh	SPH001370	3	30.25		30.25
97	Ngô Thu	Hiền	SPH005905	3	30.25		30.25
98	Trần Lê	Minh	HDT016703	4	29.50	0.5	30.17
99	Triệu Thùy	Linh	TND014767	4	25.50	3.5	30.17
100	Nguyễn Thị	Ly	DCN007040	4	29.50	0.5	30.17
101	Bùi Hải	Yến	LNH010934	4	25.50	3.5	30.17
102	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	LNH006690	2	29.50	0.5	30.17
103	Phạm Ngọc	Anh	LNH000515	1	25.50	3.5	30.17
104	Đặng Thị	Nhạn	TND018553	4	28.75	1.0	30.08
105	Bùi Thị Phương	Anh	YTB000159	3	28.75	1.0	30.08
106	Phạm Thùy	Dung	NLS001628	4	28.00	1.5	30.00
107	Nguyễn Trà	My	TLA009455	3	30.00		30.00
108	Phan Thùy	Dung	DCN001755	4	29.25	0.5	29.92
109	Trần Thị Thùy	Dương	BKA002657	2	29.25	0.5	29.92
110	Lê Thị Thuỳ	Dương	HDT004836	3	28.50	1.0	29.83
111	Hoàng Thị	Nguyệt	HDT018283	3	28.50	1.0	29.83
112	Vũ Thị Thanh	Thắng	KQH013005	2	28.50	1.0	29.83
113	Đoàn Hồng	Nhung	HDT018685	4	27.75	1.5	29.75
114	Đỗ Minh	Anh	SPH000210	4	29.75		29.75
115	Nguyễn Thị Ngọc	Yến	TLA015918	4	27.75	1.5	29.75
116	Nguyễn Trần Mỹ	Ngọc	HHA010177	3	29.75		29.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 06/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
117	Huỳnh Phương	Ngân	KHA007040	3	29.75		29.75
118	Nguyễn Hoàng Nhật	Linh	TLA007928	3	29.75		29.75
119	Nguyễn Phương	Thảo	TLA012533	2	29.75		29.75
120	Đào Tường	Chi	SPH002348	1	29.75		29.75
121	Lương Bảo	Thái	TTB005622	2	25.00	3.5	29.67
122	Đình Hoàng	Lộc	TLA008601	4	28.25	1.0	29.58
123	Cao Thị	Quỳnh	BKA011019	1	28.25	1.0	29.58
124	Lê Khánh	Linh	HDT014051	4	27.50	1.5	29.50
125	Đào Mai	Trang	BKA013308	4	29.50		29.50
126	Đỗ Ngọc Thuỷ	Dương	KHA001994	4	29.50		29.50
127	Nguyễn Thị Ngọc	ánh	HHA001145	4	29.50		29.50
128	Nguyễn Thị Trâm	Anh	KHA000487	3	29.50		29.50
129	Nguyễn Anh	Quân	THV010830	1	27.50	1.5	29.50
130	Vũ Thị Thùy	Tiên	KHA010043	4	28.75	0.5	29.42
131	Nguyễn Thúy	Ngọc	LNH006708	4	24.75	3.5	29.42
132	Vũ Khánh	Linh	HVN006139	3	28.75	0.5	29.42
133	Lê Hoàng Yến	Nhi	HDT018560	3	28.75	0.5	29.42
134	Vũ Thị	Xuân	THP017019	2	28.75	0.5	29.42
135	Mai Thị	Hằng	KQH004245	4	28.00	1.0	29.33
136	Phan Cẩm	Tú	HVN011598	4	28.00	1.0	29.33
137	Lê Thị Lan	Hương	HDT012130	3	28.00	1.0	29.33
138	Trần Thị	Trang	YTB023140	3	28.00	1.0	29.33
139	Trần Tiến	Đạt	SPH003993	4	29.25		29.25
140	Hoàng Hải	Ly	TND015644	3	27.25	1.5	29.25
141	Nguyễn Thị Kim	Quý	HHA011590	2	27.25	1.5	29.25
142	Nghiêm Ngọc	ánh	HHA001120	4	28.50	0.5	29.17
143	Bùi Thúy	Nường	LNH007085	4	24.50	3.5	29.17
144	La Thị Ngọc	Châm	TND002101	3	24.50	3.5	29.17
145	Đỗ Văn	Phúc	YTB017004	4	27.75	1.0	29.08

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 06/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
146	Bùi Thị Hoàng	Yến	THV015553	4	27.75	1.0	29.08
147	Ngô Thị	Thủy	SPH016579	4	27.75	1.0	29.08
148	Bùi Thị Thúy	An	TDV000032	3	25.75	2.5	29.08
149	Nguyễn Thị	Linh	HDT014490	3	27.75	1.0	29.08
150	Nguyễn Thị Thu	Hà	YTB006049	3	27.75	1.0	29.08
151	Phạm Nhật	Lệ	KHA005438	3	27.75	1.0	29.08
152	Phạm Thị	Nga	HHA009767	4	29.00		29.00
153	Nguyễn Kim	Anh	LNH000323	4	27.00	1.5	29.00
154	Trịnh Hoài	Đức	TND005702	4	27.00	1.5	29.00
155	Nguyễn Hồ Hoàng	Yến	HDT030383	3	27.00	1.5	29.00
156	Nguyễn Phương	Linh	BKA007595	3	29.00		29.00
157	Nguyễn Nhật	Linh	TLA008002	2	29.00		29.00
158	Tạ Hoàng	An	TLA000073	2	29.00		29.00
159	Nguyễn Hà	Thủy	SPH016585	1	29.00		29.00
160	Lê Thị Thanh	Hằng	THV004031	1	27.00	1.5	29.00
161	Bế Ngọc	ánh	TND001235	4	24.25	3.5	28.92
162	Dương Khánh	Linh	YTB012392	3	28.25	0.5	28.92
163	Nguyễn Đức	Anh	HVN000296	2	28.25	0.5	28.92
164	Nguyễn Thị	Thủy	HVN010311	4	27.50	1.0	28.83
165	Ngô Thị	Nhàn	BKA009759	4	27.50	1.0	28.83
166	Đỗ Thị	Hằng	HDT007761	3	27.50	1.0	28.83
167	Phạm Thị Trang	Thu	YTB020964	2	27.50	1.0	28.83
168	Tống Thị	Chinh	TND002555	3	26.75	1.5	28.75
169	Nguyễn Hoàng	Hiếu	SPH006304	2	28.75		28.75
170	Tạ Ngọc Bảo	Thư	TQU005549	2	26.75	1.5	28.75
171	Đỗ Thị	Vân	TND029031	2	26.75	1.5	28.75
172	Nguyễn Ngọc	Anh	YTB000683	4	28.00	0.5	28.67
173	Võ Thị Ngọc	Loan	TDV017618	3	28.00	0.5	28.67
174	Kiều Thị Mai	Anh	KQH000222	2	28.00	0.5	28.67

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 06/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
175	Vũ Thị Minh	Hằng	TQU001666	3	26.50	1.5	28.50
176	Trương Diệu	Linh	TLA008328	2	28.50		28.50
177	Nguyễn Phương	Anh	BKA000546	2	28.50		28.50
178	Nguyễn Thị Phương	Thảo	TTB005911	1	26.50	1.5	28.50
179	Đào Thị Thanh	Nga	HHA009701	2	27.75	0.5	28.42
180	Vũ Thị Như	Quỳnh	HHA011872	1	27.75	0.5	28.42
181	Lê Thị	Giang	HDT006294	3	27.00	1.0	28.33
182	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	YTB018328	3	27.00	1.0	28.33
183	Nguyễn Thị Lam	Hoa	TND008799	4	26.25	1.5	28.25
184	Lê Đình	Hiệp	TLA004967	4	28.25		28.25
185	Nguyễn Quang	Thịnh	TND024009	3	26.25	1.5	28.25
186	Nguyễn Thị Trung	Anh	BKA000639	3	28.25		28.25
187	Nguyễn Phương	Trình	SPH017987	3	28.25		28.25
188	Đỗ Thị Linh	Trang	SPH017310	2	28.25		28.25
189	Phạm Thị Thu	Trang	TND026670	4	27.50	0.5	28.17
190	Hoàng Hồng	Huệ	THV005302	3	23.50	3.5	28.17
191	Nguyễn Hồng	Hạnh	THV003877	3	27.50	0.5	28.17
192	Phạm Thị Hồng	Nhung	HDT018961	3	23.50	3.5	28.17
193	Đặng Thị	Hường	BKA006562	2	26.75	1.0	28.08
194	Lê Thị Thảo	Linh	BKA007469	3	28.00		28.00
195	Nguyễn Viết	Lâm	TQU002909	1	26.00	1.5	28.00
196	Nguyễn Phương	Trang	TLA014066	1	28.00		28.00
197	Kiều Phương	Linh	DCN006281	4	27.25	0.5	27.92
198	Sầm Thị Diệu	Sương	TDV026589	3	23.25	3.5	27.92
199	Nguyễn Thị Châu	Anh	HHA000574	1	27.25	0.5	27.92
200	Quyển Thị Thúy	Nga	BKA009190	1	27.25	0.5	27.92
201	Nguyễn Phương	Anh	YTB000714	4	26.50	1.0	27.83
202	Lê Phương	Thảo	YTB019704	4	26.50	1.0	27.83
203	Phan Thị	Phương	BKA010481	3	26.50	1.0	27.83

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 06/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
204	Phạm Thị Phương	Anh	LNH000525	4	25.75	1.5	27.75
205	Phạm Thu	Trang	HHA014774	4	25.75	1.5	27.75
206	Nguyễn Hồng	Nhung	BKA009928	3	27.75		27.75
207	Dương Thị Thanh	Mai	THV008356	3	25.75	1.5	27.75
208	Lương Mỹ	Duyên	SPH003487	2	27.75		27.75
209	Dương Đức	Anh	BKA000119	2	27.75		27.75
210	Trịnh Thị Phương	Anh	HDT020299	4	27.00	0.5	27.67
211	Vi Thị Kim	Ngân	THV009296	4	27.00	0.5	27.67
212	Đinh Hoàng Thùy	Linh	TQU003083	1	23.00	3.5	27.67
213	Lại Thị Nhật	Anh	TND000506	2	26.25	1.0	27.58
214	Lê Thị Thu	Hoài	TDV011294	4	25.50	1.5	27.50
215	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	SPH009919	3	27.50		27.50
216	Đồng Thị Lan	Anh	THP000240	2	25.50	1.5	27.50
217	Nguyễn Thị Hoài	Trâm	TDV033267	2	25.50	1.5	27.50
218	Hoàng Thị	Hằng	TND007292	4	22.75	3.5	27.42
219	Trần Thị Thuỳ	Anh	YTB001313	3	26.75	0.5	27.42
220	Tạ Thị	Nga	HDT017518	3	26.75	0.5	27.42
221	Mạc Kim	Chi	TND002257	1	22.75	3.5	27.42
222	Nguyễn Thị	Linh	TDV016826	4	26.00	1.0	27.33
223	Nguyễn Thị Hương	Ly	YTB013836	4	26.00	1.0	27.33
224	Lê Thị	Nhâm	TLA010380	3	26.00	1.0	27.33
225	Phạm Hồng	Loan	TLA008406	3	25.25	1.5	27.25
226	Lê Đức	Mạnh	BKA008509	3	27.25		27.25
227	Phan Lê	Bình	TND001919	4	26.50	0.5	27.17
228	Nguyễn Thanh	Mai	LNH005973	4	26.50	0.5	27.17
229	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	SPH017616	4	26.50	0.5	27.17
230	Nguyễn Thị	Linh	LNH005370	4	26.50	0.5	27.17
231	Dương Thị Mỹ	Linh	HDT013796	3	26.50	0.5	27.17
232	Bùi Thị Ngọc	Trâm	HDT027311	4	25.75	1.0	27.08

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 06/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
233	Nguyễn Thị	Tuyền	SPH018992	3	25.75	1.0	27.08
234	Nguyễn Thị Vân	Huyền	KQH006295	2	25.75	1.0	27.08
235	Hồ Minh	Anh	SPH000347	3	27.00		27.00
236	Phạm Huyền	Cơ	TLA002178	3	27.00		27.00
237	Vũ Hoàng	Long	THP008850	3	25.50	1.0	26.83
238	Trần Văn	Phúc	HDT019575	2	25.50	1.0	26.83
239	Nguyễn Thị Hương	Ly	THV008295	4	24.75	1.5	26.75
240	Mai Thục	Anh	HDT000865	2	26.00	0.5	26.67
241	Trần Thị	Diệu	KHA001593	4	25.25	1.0	26.58
242	Vũ Thị	Ngọc	THP010524	4	25.25	1.0	26.58
243	Phạm Thị	ánh	YTB001658	4	25.25	1.0	26.58
244	Vũ Thị	Lương	KQH008550	1	25.25	1.0	26.58
245	Nguyễn Thùy	Dung	TND003779	1	24.50	1.5	26.50
246	Nguyễn Phương	Anh	KHA000395	2	25.75	0.5	26.42
247	Nguyễn Thị Hoài	Thương	TDV031055	2	25.75	0.5	26.42
248	Lê Thị Bích	Diệp	HDT003606	4	24.25	1.5	26.25
249	Lê Thị Mỹ	Hạnh	THP004261	4	25.50	0.5	26.17
250	Nguyễn Thị Minh	Anh	HDT001116	4	25.50	0.5	26.17
251	Nguyễn Hà	Phương	TDV023906	4	24.75	1.0	26.08
252	Bùi Thu	Trang	LNH009653	2	21.25	3.5	25.92
253	Nguyễn Thị	Hà	THP003838	2	25.25	0.5	25.92
254	Trần Thị Thiên	Nga	KHA007005	3	24.50	1.0	25.83
255	Trần Thị Hà	Phương	SPH013865	4	25.75		25.75
256	Nguyễn Thùy	Tiên	TND025492	4	25.00	0.5	25.67
257	Hoàng	Hiệp	LNH003234	1	23.50	1.5	25.50
258	Hoàng Ngọc	Chi	TND002326	3	24.75	0.5	25.42
259	Nguyễn Thị	Thìn	THP013840	3	24.75	0.5	25.42
260	Lê Thị	Hòa	HDT009440	3	23.25	1.5	25.25
261	Lương Thị Linh	Chi	HDT002535	3	20.50	3.5	25.17

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 06/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
262	Vũ Thị	Hương	THP007210	2	24.50	0.5	25.17
263	Nông Thị	Vân	TND029364	4	20.25	3.5	24.92
264	Nguyễn Thị ánh	Ngọc	SPH012589	3	24.25	0.5	24.92
265	Nguyễn Thị Hải	Yến	YTB025772	4	23.50	1.0	24.83
266	Lê Thu	Hà	HDT006724	3	23.50	1.0	24.83
267	Nguyễn Thị Hoài	Thu	TDV029849	4	24.00	0.5	24.67
268	Trần Thị Lan	Anh	TND001099	4	22.50	1.5	24.50
269	Nguyễn Thị Phương	Hoa	TND008807	3	22.50	1.5	24.50
270	Hoàng Linh	Đan	HHA002851	4	23.75	0.5	24.42
271	Lầu Thị	Báu	TTB000350	1	19.75	3.5	24.42
272	Nguyễn Thị	Hội	LNH003779	4	22.25	1.5	24.25
273	Đặng Thị Hồng	Nhung	TND018808	2	22.25	1.5	24.25
274	Nguyễn Thị Anh	Thư	LNH009324	1	22.25	1.5	24.25
275	Trần Minh	Hằng	KHA003290	1	23.50	0.5	24.17
276	Phạm Thị Tuyết	Hoa	THV004777	1	22.00	1.5	24.00
277	Khiếu Thị Kim	Anh	YTB000458	4	23.25	0.5	23.92
278	Dương Thị Thu	Hương	TND011695	4	19.25	3.5	23.92
279	Nguyễn Thị	Loan	YTB013301	4	22.50	1.0	23.83
280	Trần Thị Thu	Hằng	YTB007166	2	22.50	1.0	23.83
281	Trần Thị	Khá	YTB011172	1	22.50	1.0	23.83
282	Nguyễn Thị	Huế	HVN004280	1	22.50	1.0	23.83
283	Lê Thành	Nam	HDT017020	4	21.75	1.5	23.75
284	Nguyễn Thị	Thuỷ	TND024611	4	21.75	1.5	23.75
285	Nguyễn Thị	Huyền	TTB002829	2	21.75	1.5	23.75
286	Vũ Tiến	Hưng	THV006098	1	21.75	1.5	23.75
287	Đào Huyền	My	TND016779	4	23.00	0.5	23.67
288	Bùi Thu	Thủy	HVN010237	2	23.50		23.50
289	Nguyễn Hồng	Điệp	TND005166	4	18.75	3.5	23.42
290	Trần Thị Bích	Hạnh	YTB006734	1	21.75	1.0	23.08

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 06/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
291	Vũ Thị Thu	Trang	NLS013364	4	21.00	1.5	23.00
292	Phạm Hương	Thảo	TLA012638	3	23.00		23.00
293	Nguyễn Thùy	Dương	THV002547	3	21.00	1.5	23.00
294	Nông Thị Thu	Hoài	TND009059	4	18.25	3.5	22.92
295	Phạm Thị Thanh	Hải	YTB006466	4	21.50	1.0	22.83
296	Nguyễn Bình	Dương	TTB001355	3	20.75	1.5	22.75
297	Trần Thị	Giang	TDV007480	4	22.00	0.5	22.67
298	Chăng Kiều	Hoài	TQU001983	4	18.00	3.5	22.67
299	Phàn Mấy	Lầy	DCN005972	2	18.00	3.5	22.67
300	Nguyễn Thị Kim	Thoan	TLA013090	4	21.25	1.0	22.58
301	Trần Thị Trà	Giang	TDV007503	4	21.25	1.0	22.58
302	Phạm Thị Hà	Trang	YTB022998	4	21.25	1.0	22.58
303	Ngô Thị Ngọc	ánh	HVN000797	2	21.25	1.0	22.58
304	Trương Thị Hồng	Mai	YTB014137	1	21.25	1.0	22.58
305	Đỗ Thu	Hoài	THV004886	3	17.75	3.5	22.42
306	Nguyễn Thị	Mây	HVN006740	1	21.00	1.0	22.33
307	Phan Thị Hà	My	DHU013378	4	20.75	1.0	22.08
308	Bùi Minh	Duyên	HHA002510	3	20.75	1.0	22.08
309	Nông Thị	Bốn	TND001954	3	17.25	3.5	21.92
310	Vương Thị Khánh	Huyền	THP006756	4	20.50	1.0	21.83
311	Vương Thị Thu	Phương	THV010598	2	19.75	1.5	21.75
312	Tự Thị Mỹ	Linh	THP008529	1	20.25	1.0	21.58
313	Đào Thị	Thu	HVN010083	4	20.00	1.0	21.33
314	Dương Thái	Ni	TDV022712	4	20.50	0.5	21.17
315	Nguyễn Thị	Châm	HDT002396	4	19.75	1.0	21.08
316	Nhâm Thị	Ngân	YTB015402	2	19.75	1.0	21.08
317	Vũ Hồng	Ngọc	THV009610	3	19.00	1.5	21.00
318	Trần Đức Trọng	Đạt	HVN002179	3	20.25	0.5	20.92
319	Nguyễn Minh	Thảo	SPH015664	4	20.50		20.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 06/08/2015

Trang 12

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
320	Hạng Thị	Pàng	TTB004708	4	15.50	3.5	20.17
321	Lê Thị	Trang	TLA013996	4	18.75	1.0	20.08
322	Nguyễn Thị	Duyên	TND004341	4	17.75	1.5	19.75
323	Nguyễn Thị Trúc	Quỳnh	HVN008861	4	19.00	0.5	19.67
324	Nguyễn Thị Thiên	Hương	TDV014439	4	16.50	1.0	17.83
325	Đỗ Anh	Đức	BKA003138	4	16.50	1.0	17.83
326	Dương Thị Tuyết	Chinh	LNH001066	4	15.50	1.5	17.50
327	Nguyễn Thị Thuý	Vân	YTB024988	4	15.75	1.0	17.08
328	Nguyễn Thị	ánh	TLA001446	4	13.50	1.0	14.83

Hà Nội, ngày 06 tháng 08 năm 2015

NGƯỜI LẬP BIỂU